TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 946/2020/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 14 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84, 107, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 723/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Đỗ Thị Hồng H , sinh năm: 1980

Địa chỉ cư trú: Số 2D đường H, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

- Ông Vũ Văn T, sinh năm: 1969

Địa chỉ cư trú: 3A Tầng T, nhà A chung cư K đường D, Phường B, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Hồng H và ông Vũ Văn T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 168/2013 quyển số 1/2013, ngày 10/9/2013 của Ủy ban nhân Phường M, quận T. TP. Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 09/6/2020 và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/8/2020, bà H và ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung, có một con chung tên Vũ Thiên H , sinh ngày 27/11/2014. Hai bên thỏa thuận, bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, hằng tháng ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.Tài sản chung bà H và ông T xác định không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà H và ông T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con và hai bên xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: bà Đỗ Thị Hồng H và ông Vũ Văn T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 168/2013 quyển số 01/2013, ngày 10/9/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T cấp cho bà H và ông T hết hiệu lực.

Về con chung: Có một con chung tên Vũ Thiên H , sinh ngày 27/11/2014. Hai bên thỏa thuận bà Đỗ Thị Hồng H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm đồng). Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi trẻ H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Đỗ Thị Hồng H và ông Vũ Văn T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được cấn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà H và ông Tđã đóng tạm ứng lệ phí theo Biên lai số AA/2019/0026383 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thành Huế